

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2019.
V/v: “Ly hôn giữa chị M và anh B”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Văn Lịch.

Bà: Đặng Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trục tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M Sinh năm: 1989(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Cồ Năng B Sinh năm: 1984(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 07/1/2019, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày: Chị và anh Cồ Năng B kết hôn vào ngày 06/01/2009, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng được sáu tháng anh B bị sốc ma túy do chích quá liều dẫn đến việc anh bị liệt nửa người. Sau một thời gian nằm viện 103 và Bạch Mai được châm cứu thuốc thang anh dần hồi phục

60%. Sau 5 tháng anh B lại sốc ma túy lần thứ hai để lại dị tật tay chân. Trong suốt thời gian đó cho đến nay anh vẫn sử dụng ma túy kèm theo chơi lô đề, cờ bạc khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng hơn. Gần đây, hai năm anh B chuyển sang chơi ma túy đá. Sau những lần sử dụng ma túy đá anh không làm chủ được hành vi của mình cầm dao dọa giết chị khiến cho tinh thần tôi luôn lo sợ và hoảng loạn. Sau thời gian vợ chồng mâu thuẫn và căng thẳng chị đã dẫn các con đi chỗ khác để làm ăn. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cồ Năng B.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Cồ Thị Minh T sinh ngày 24/06/2010; Cồ Năng Thành Đ sinh ngày 27/11/2013 và Cồ Thị Trúc L sinh ngày 27/11/2013. Hiện các cháu đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi cả ba con và yêu cầu anh hỗ trợ nuôi con.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi ý kiến không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Cồ Năng B theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh B không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Cồ Năng B. Về con chung: Giao cả ba con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Chị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Cồ Năng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Bùi Thị M và anh Cồ Năng B kết hôn vào ngày 06 tháng 01 năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên xảy ra xung đột. Vợ chồng đã có thời gian ly thân. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị M và anh B nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M đối với anh Cồ Năng B.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị 03 con chung là Cồ Thị Minh T sinh ngày 24/06/2010; Cồ Năng Thành Đ sinh ngày 27/11/2013 và Cồ Thị Trúc L sinh ngày 27/11/2013. Sau khi xem xét ý kiến của các đương sự cũng như ý kiến của con chung, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung nên giao cả con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này, anh B có yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ chung sẽ được giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị M phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Cồ Năng B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Cồ Năng B.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Bùi Thị M trực tiếp ba nuôi là Cồ Thị Minh T sinh ngày 24/06/2010; Cồ Năng Thành Đ sinh ngày 27/11/2013 và Cồ Thị Trúc L sinh ngày 27/11/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002164 ngày 07/01/2019.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Cồ Năng B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Đồng Sơn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

